UBND TỈNH AN GIANG

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI

BÁO CÁO PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2017

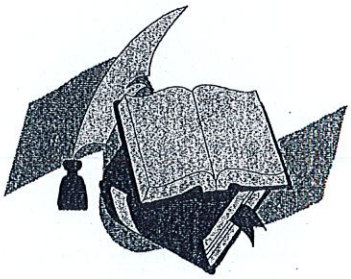

Ngày 20 tháng 4 năm 2018

UBND TỈNH AN GIANG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC THỦY LỢI

Số:..100../BC-KTTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Giang, ngày 20 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO
Phân tích đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp năm 2017

Kính gửi: Sở Tài chính An Giang.

Để có cơ sở Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ngành có liên quan giám sát tình hình hoạt động của Công ty; Chủ tịch Công ty báo cáo về thực trạng và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty trong năm 2017 như sau:

CĂN CỨ LẬP BÁO CÁO:

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2017 ký ngày 16 tháng 3 năm 2018,

I. THỰC TRẠNG VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2017

1/. Công tác quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp

a. Tình hình đầu tư tài sản và sử dụng vốn được phân bổ trong năm:

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện đầu tư cải tạo, sửa chữa tổng cộng 8 hạng mục công trình với tổng số vốn được phân bổ là 9.052 triệu đồng. Toàn bộ các công trình được thực hiện đúng quy trình xây dựng cơ bản.

Dự án theo Quyết định số 3810/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao dự toán miễn thủy lợi phí tạo nguồn năm 2017 do cấp tỉnh quản lý; Quyết định số 3390/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc điều chỉnh dự toán miễn thủy lợi phí tạo nguồn năm 2017 do cấp tỉnh quản lý và Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phân bổ từ nguồn thủy lợi phí còn tồn năm 2016 chuyển sang năm

2017 với tổng số vốn được phân bổ là 9.052 triệu đồng, đến thời điểm báo cáo khối lượng công việc đã thực hiện với tổng giá trị là 8.084 triệu đồng, bao gồm:

+ 06 công trình nạo vét kênh, gia cố sạt lỡ ở các huyện với tổng giá trị thực hiện là 6.570 triệu đồng.

+ Sửa chữa nhỏ cống, đập với tổng giá trị thực hiện 537 triệu đồng.

+ Thanh toán nợ chi phí quyết toán, nợ khối lượng trong kỳ với tổng giá trị thực hiện 977 triệu đồng.

(Biểu số 02.A ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính)

b. Tình hình sử dụng nguồn vốn cấp bổ sung vốn điều lệ:

Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phân bổ nguồn vốn với giá trị là 46.000 triệu đồng (theo Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 19/9/2012) bổ sung vào vốn điều lệ Công ty và có mục đích chính là sử dụng vào các hoạt động đầu tư mang lại lợi ích dân sinh, phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn được giao.

Trên cơ sở nhằm bảo toàn và phát triển nguồn vốn được giao, Công ty chủ động thực hiện đầu tư vào các dự án theo đúng quy trình xây dựng cơ bản của văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

- Nguồn vốn sử dụng cho đầu tư và kinh doanh: 38.074 triệu đồng (chiếm 82,77% tổng vốn được giao), bao gồm:

+ Đầu tư vào dự án Mở rộng trạm bơm điện Xà Nu: 10.219 triệu đồng. Hiện tại, dự án này đã hoàn thành và đưa vào khai thác từ vụ Thu Đông năm 2017.

+ Xây dựng Trụ sở làm việc Công ty: 10.196 triệu đồng. Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2016.

+ Đầu tư dự án trạm bơm điện Tân Vọng, Tân Huệ: 3.600 triệu đồng. Dự án đã đưa vào khai thác từ vụ Thu Đông 2014 và mang lại hiệu quả tương đối.

+ Đầu tư dự án trạm bơm điện Tiểu vùng Ấp Tân Lợi, Tân Phú: 1.800 triệu đồng. Dự án đã đưa vào khai thác vụ Thu Đông 2015 và mang lại hiệu quả cao.

+ Đầu tư dự án trạm bơm điện Định Thành 2, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, An Giang: 800 triệu đồng. Dự án đã đưa vào khai thác vụ Thu Đông 2016.

+ Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp trạm bơm điện Vĩnh Mỹ tại cống kênh 3 Châu Đốc, xã Vĩnh Châu, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang: 844 triệu đồng. Dự án đã đưa vào khai thác vụ Hè Thu năm 2017.

+ Mua sắm xe đào nạo vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp: 615 triệu đồng. Đã đưa vào khai thác trong năm 2017.

+ Chuyển tạm ứng cho Công ty TNHH MTV Thương mại & Dịch vụ NN Thủ Tuyền theo hợp đồng chuyển nhượng số 02/HĐ-KTTL ngày 22/11/2017 về việc chuyển nhượng hệ thống bơm tiêu chống úng: 10.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn còn lại: 7.926 triệu đồng (chiếm 17,23% tổng vốn được giao), bao gồm:

+ Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng BIDV An Giang: 926 triệu đồng.

+ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng BIDV An Giang: 7.000 triệu đồng.

c. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Tình hình mua sắm, thanh lý tài sản công được thực hiện đúng các quy định hiện hành và chấp hành nghiêm túc chính sách tiết kiệm, chống lãng phí.

- Định kỳ hàng quý và cả năm, Công ty thực hiện đối chiếu công nợ phải thu, phải trả với từng khách hàng, nhà cung cấp.

- Tổng giá trị nợ phải thu: 22.740 triệu đồng tăng 25% so với năm 2016. Trong đó, phải thu ngắn hạn của khách hàng 8.863 triệu đồng tăng 27,23% so với năm 2016; trả trước cho người bán ngắn hạn 10.000 triệu đồng là khoản ứng trước cho Công ty TNHH MTV Thương mại & Dịch vụ Nông nghiệp Thủ Tuyền theo hợp đồng chuyển nhượng số 02/HĐ-KTTL ngày 22/11/2017 về việc chuyển nhượng hệ thống bơm tiêu chống úng tiểu vùng 5 xã Bờ Tây & Bắc Cỏ Lau, huyện An Phú và các khoản phải thu khác 4.178 triệu đồng giảm 42,25% so với năm 2016. Nợ phải thu khó đòi 300 triệu đồng, không thay đổi so với năm 2016 (chiếm 1,32% trên tổng số nợ phải thu), hiện nay công ty đã trích lập dự phòng 100% khoản nợ phải thu khó đòi này.

Từ kết quả trên cho thấy, ngoại trừ khoản trả trước cho người bán thì tổng nợ phải thu ngày càng giảm so với các năm trước, chứng tỏ Công ty đã quản lý tốt về công nợ phải thu.

- Tổng giá trị nợ phải trả đến kỳ báo cáo là 10.802 triệu đồng giảm 23,11% so với năm 2016.

Trong đó, giá trị nợ phải trả người bán ngắn hạn 3.502 triệu đồng giảm 35,81% so với năm 2016 chủ yếu là những khoản nợ khối lượng xây lắp hoàn thành các công trình do công ty làm chủ đầu tư trong năm 2017; thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 100 triệu đồng; phải trả người lao động 2.738 triệu đồng; quỹ khen thưởng, phúc lợi 2.010 triệu đồng và còn lại các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác 2.452 triệu đồng - chủ yếu là khoản phải nộp trả lại Ngân sách Nhà nước do Công ty thu hộ dịch vụ thu phí bơm tiêu chống úng vụ Thu Đông năm 2016 tại Tiểu vùng 5 xã Bờ Tây & Bắc Cỏ Lau, huyện An Phú theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và khoản chi phí hoạt động phục vụ vụ Thu Đông năm 2017 trạm bơm tiểu vùng 5 xã Bờ Tây & Bắc Cỏ Lau, huyện An Phú phải trả cho Công ty TNHH MTV Thương mại & Dịch vụ Nông nghiệp Thủ Tuyền.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 10.802 triệu đồng/53.290 triệu đồng = 0,2. Tỷ số này thấp, chứng tỏ Công ty ít phụ thuộc vào hình thức huy động vốn bằng nợ vay.

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 37.700 triệu đồng/10.802 triệu đồng = 3,49.

2/. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn doanh nghiệp

Mức độ bảo toàn và phát triển vốn doanh nghiệp được xác định bằng hệ số xác định mức bảo toàn vốn H, cụ thể như sau:

$$H = \frac{\text{Vốn CSH Cty tại thời điểm báo cáo}}{\text{Vốn CSH Cty cuối kỳ trước liền kề với kỳ báo cáo}} = \frac{53.290}{52.635} = 1,012$$

Qua kết quả tính toán ta thấy, H = 1,012 chứng tỏ trong thời gian qua Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn của Chủ sở hữu.

Trong năm 2017, các chỉ số tài chính ROE và ROA của Công ty đạt được cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu đánh giá	TH năm 2017	TH năm 2016	So với năm 2016 (+/-)
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,0364	0,0360	+ 1,11%
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	0,0059	0,0056	+ 5,36%

Qua kết quả đánh giá trên ta thấy, các chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu và trên tổng tài sản lần lượt tăng 1,11% và 5,36% so với năm 2016, chứng tỏ hoạt động của Công ty đã mang lại lợi nhuận, phát huy hiệu quả các nguồn vốn do Công ty quản lý.

3/. Tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

a. Thực hiện sản phẩm công ích:

Sản phẩm của Công ty chủ yếu thuộc lĩnh vực công ích, danh mục công trình thực hiện theo Hợp đồng đặt hàng với nhiệm vụ không khác so với các năm trước. Tổng số công trình Công ty quản lý, vận hành là 251 công trình, trong đó:

+ Công trình kênh: 57 tuyến với chiều dài 992,656 km, trong đó 19 kênh cấp I (458,517km); 8 kênh cấp II lớn (94,893km); 7 kênh ranh tỉnh (112,183km); 23 kênh ranh huyện, liên huyện (327,063km);

+ Công trình cống, đập, hồ chứa: 117 cống, đập, hồ chứa các loại, trong đó 103 cống hở, 10 cống tròn, 02 đập cao su và 02 hồ chứa nước.

+ Quản lý, vận hành hệ thống thủy lợi Bắc Vàm Nao: 77 cống, kênh các loại, trong đó 16 cống chính, 39 cống bọng và 22 tuyến kênh cấp 2, 3 với tổng chiều dài 146,31 km.

+ Phục vụ tạo nguồn nước cho diện tích sản xuất nông nghiệp với tổng diện tích 677.151 ha, trong đó tưới, tiêu tạo nguồn không điều tiết 270.874 ha; tưới, tiêu tạo nguồn có điều tiết 153.574 ha; kiểm soát lũ 252.703 ha.

Trong năm 2017, công tác quản lý vận hành các công trình do tỉnh quản lý được thực hiện theo hình thức đặt hàng. Bên cạnh đó, việc thực hiện duy tu bảo dưỡng, sửa chữa các công trình luôn được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tiến độ và chất lượng. Doanh thu từ hoạt động công ích đạt được là 38.189 triệu đồng tăng 291 triệu đồng tương đương 0,77% so với năm 2016 và đạt 98,37% so với kế hoạch đề ra. Cụ thể với các hạng mục công trình sau:

- 06 công trình nạo vét kênh, gia cố sạt lỡ ở các huyện với tổng số vốn được phân bổ 7.375 triệu đồng từ nguồn vốn miễn thủy lợi phí tạo nguồn năm 2017. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty hoàn thành khối lượng công việc theo kế hoạch đề ra với giá trị thực hiện là 6.570 triệu đồng.

- Sửa chữa nhỏ các cống, đập với tổng vốn được phân bổ 600 triệu đồng từ nguồn vốn miễn thủy lợi phí tạo nguồn năm 2017. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty hoàn thành khối lượng công việc theo kế hoạch đề ra với giá trị thực hiện là 537 triệu đồng.

- Thanh toán nợ chi phí quyết toán, nợ khối lượng với tổng vốn được phân bổ 1.077 triệu đồng từ nguồn vốn thủy lợi phí còn tồn năm 2016 chuyển sang năm 2017. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty hoàn thành khối lượng công việc theo kế hoạch đề ra với tổng giá trị thực hiện trong kỳ 977 triệu đồng.

- Thực hiện hoàn thành khối lượng công việc theo Hợp đồng đặt hàng đã ký với Sở Nông nghiệp & PTNT An Giang về việc quản lý, vận hành khai thác công trình thủy lợi cấp tỉnh quản lý năm 2017 với tổng giá trị thực hiện là 16.164 triệu đồng.

- Hoàn thành khối lượng công việc theo Hợp đồng đặt hàng đã ký với Ban Quản lý hệ thống Bắc Vàm Nao về việc cung cấp dịch vụ trong hệ thống Bắc Vàm Nao năm 2017 với tổng giá trị thực hiện là 4.782 triệu đồng.

- Thực hiện hoàn thành khối lượng công việc theo Hợp đồng đặt hàng đã ký với Sở Nông nghiệp & PTNT An Giang về việc quản lý, khai thác công trình thủy lợi Nam Vàm Nao năm 2017 với tổng giá trị thực hiện là 7.066 triệu đồng.

- Bên cạnh, Công ty cũng được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý Hệ thống bơm tiêu chống úng tại trạm bơm Tiểu vùng 05 xã Bờ Tây & Bắc Cỏ Lau, thuộc huyện An Phú. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty đã thu được 2.093 triệu đồng.

Ngoài ra, Công ty còn phối hợp với các cơ quan chức năng thường xuyên kiểm tra hệ thống công trình để kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý các hành vi lấn chiếm, xâm hại công trình (*Biểu số 02.D ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính*).

b. Kết quả sản xuất kinh doanh:

b1. Đánh giá xu hướng biến động về lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Trong năm 2017 Công ty chủ yếu tập trung cho hoạt động công ích, quản lý vận hành, khai thác, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa các công trình thủy lợi.

b2. Xu hướng biến động về các chỉ tiêu tài chính:

Tình hình doanh thu và chi phí phát sinh liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm trong kỳ báo cáo, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, thu nhập và chi phí khác, được ghi nhận như sau:

- Tổng doanh thu: 53.437 triệu đồng
  + Doanh thu hoạt động công ích: 38.189 triệu đồng

+ Doanh thu hoạt động kinh doanh: 14.332 triệu đồng
+ Doanh thu hoạt đồng tài chính, khác: 916 triệu đồng
- Tổng chi phí: 48.876 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 4.561 triệu đồng
- Thuế TNDN phải nộp: 298 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 4.263 triệu đồng

Trong đó, Lợi nhuận sau thuế 2.323 triệu đồng là khoản hỗ trợ trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 02 tháng lương thực tế thực hiện trong năm thông qua Hợp đồng đặt hàng về việc quản lý, vận hành khai thác công trình thủy lợi cấp tỉnh quản lý năm 2017, Hợp đồng đặt hàng về việc cung cấp dịch vụ trong hệ thống Bắc Vàm Nao năm 2017 và Hợp đồng đặt hàng về việc về việc quản lý, khai thác công trình thủy lợi Nam Vàm Nao năm 2017. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi mà không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận không đủ để trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 02 tháng lương thực tế được Nhà nước hỗ trợ để trích lập 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi tương đương với mức 02 tháng lương thực tế thực hiện trong năm. Phần lợi nhuận sau thuế này không sử dụng vào việc tính chỉ số tài chính ROE và ROA để phân tích hoạt động kinh doanh và sự tăng trưởng của Công ty. Lợi nhuận sau thuế còn lại 1.940 triệu đồng, khoản lợi nhuận này được sử dụng để tính các chỉ số tài chính ROE và ROA của Công ty.

Tổng doanh thu năm 2017 đạt 53.437 triệu đồng, tăng 6,57% so với năm 2016, giảm 15,35% so với năm 2015 và vượt kế hoạch đề ra 4,96%.

Tương ứng với sự gia tăng của doanh thu thì chi phí phát sinh liên quan cũng tăng, tổng chi phí năm 2017 là 48.876 triệu đồng, tăng 4,96% so với năm 2016, giảm 19,33% so với năm 2015 và vượt 0,15% so với kế hoạch đề ra.

Trong năm, Công ty cũng đã kiểm soát được chi phí khá tốt, tỷ lệ tăng của chi phí thấp hơn nhiều so với tỷ lệ tăng của doanh thu. Vì vậy, lợi nhuận của Công ty vẫn được đảm bảo tăng vượt kế hoạch đề ra. Chẳng hạn, lợi nhuận sau thuế ngoại trừ khoản hỗ trợ trích lập 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017 đạt 1.940 triệu đồng tăng 2,59% so với kế hoạch đề ra, giảm 2,48% so với năm 2016 và giảm 12,77% so với năm 2015.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) = 1.940 triệu đồng/53.290 triệu đồng = 0,0364.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) = 1.940 triệu đồng/329.128 triệu đồng = 0,0059.

Từ hai chỉ số ROE và ROA cho thấy, khả năng sinh lời trên Vốn chủ sở hữu và trên Tổng tài sản của Công ty vẫn còn thấp. Do đặc thù Công ty hoạt động trong lĩnh vực công ích nên hầu hết các hoạt động sản xuất kinh doanh đều chú trọng vào việc phục vụ công ích, xã hội. Nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp cho Công ty dùng vào mục đích đầu tư các dự án có tính chất phục vụ xã hội như: đầu tư, mở rộng trạm bơm tưới, tiêu vùng cao, vùng đồng bào dân tộc,... Bên cạnh, tổng tài sản của Công ty thì rất lớn (chủ yếu là cống, đập, hồ chứa, đất

đai gắn liền với công trình) nhưng không thể sử dụng để tạo ra lợi nhuận mà được sử dụng vào mục đích mang tính chất phục vụ công ích, xã hội.

Qua kết quả phân tích trên, các chỉ tiêu tài chính thực hiện năm 2017 tăng so với kế hoạch đề ra, chứng tỏ hoạt động kinh doanh của Công ty luôn có bước phát triển và đảm bảo tăng trưởng (*Biểu số 02.C ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính*).

4/. Tình hình chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác

a. Thực hiện nghĩa vụ thuế:

Trong năm 2017, Công ty chấp hành kê khai và nộp thuế đầy đủ vào ngân sách nhà nước đúng thời gian và giá trị theo quy định pháp luật. Cụ thể, tổng giá trị các khoản nộp ngân sách Công ty đã nộp theo quy định là 1.300 triệu đồng, với các khoản nộp như sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 504 triệu đồng
- Thuế giá trị gia tăng: 455 triệu đồng
- Thuế thu nhập cá nhân: 39 triệu đồng
- Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 47 triệu đồng
- Thuế môn bài: 4 triệu đồng
- Các khoản phải nộp khác: 198 triệu đồng

Bên cạnh, Công ty cũng đã nộp về Ngân sách nhà nước phần lợi nhuận giữ lại của năm 2016 là 53 triệu đồng.

b. Lao động, tiền lương:

Công ty luôn nghiêm túc thực hiện các quy định, chế độ chính sách về tiền lương, phúc lợi đúng theo Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương đối với người lao động trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu theo Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tiền lương. Trong năm, Công ty đã áp dụng thực hiện theo Nghị định số 153/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với

người lao động làm việc trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Đồng thời, Công ty luôn đảm bảo việc duy trì thu nhập của người lao động năm sau cao hơn năm trước. Qua đó, trong năm 2017 tình hình lao động và tiền lương Công ty thực hiện như sau:

- Tổng số CB-CNV có mặt đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 202 người và 01 kiểm soát viên không chuyên trách, trong đó:

+ Người quản lý doanh nghiệp là 07 người, bao gồm: Chủ tịch Công ty 01 người; Giám đốc 01 người; Phó giám đốc 03 người; Kiểm soát viên chuyên trách 01 người và Kiểm soát viên không chuyên trách 01 người.

+ Người lao động 196 người, bao gồm: lao động chuyên môn, phục vụ 52 người và lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh 144 người.

- Tiền lương, thù lao chi trả trong năm 2017 là 13.986,11 triệu đồng, gồm:

+ Tiền lương, thù lao chi trả cho Người quản lý doanh nghiệp là 1.646,40 triệu đồng đạt 100% so với kế hoạch. Lương bình quân của Người quản lý doanh nghiệp là 19,60 triệu đồng/người/tháng đạt 100% so với kế hoạch.

+ Tiền lương chi trả cho người lao động là 12.339,71 triệu đồng đạt 132,97% so với kế hoạch. Lương bình quân của người lao động là 5,328 triệu đồng/người/tháng, đạt 91,63% so với kế hoạch.

c. Các chính sách khác:

- Công ty thực hiện các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định pháp luật.

- Song song đó, công tác đảm bảo An toàn lao động, Phòng cháy chữa cháy, An ninh trật tự và Vệ sinh môi trường đối với toàn thể người lao động trong Công ty được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

5/. Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ

- Việc phân phối lợi nhuận năm 2017 được thực hiện theo đúng quy định về trích lập và phân phối của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2017 là 4.263 triệu đồng, được phân phối như sau:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: 582 triệu đồng

+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.351 triệu đồng

+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành: 206 triệu đồng

+ Lợi nhuận giữ lại: 124 triệu đồng

- Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để bổ sung phần vốn điều lệ còn thiếu.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng 3.351 triệu đồng do Công ty tạm trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 bằng 03 tháng lương thực hiện trong năm và giảm 2.703 triệu đồng sử dụng cho việc chi khen thưởng, tham quan nghỉ dưỡng, hỗ trợ ốm đau, hiếu hỷ cho người lao động và chi hoạt động phúc lợi xã hội.

- Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp tăng 206 triệu đồng do trích lập từ lợi nhuận sau thuế, giảm 189 triệu đồng do chi thưởng Người quản lý doanh nghiệp với giá trị tương ứng 90% quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp theo quy định.

(*Biểu số 02.Đ ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính*)

II. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện đạt yêu cầu các chỉ tiêu kế hoạch được tỉnh giao phó, góp phần bảo vệ và ổn định sản xuất cho người dân, thực hiện tốt các chế độ, chính sách và đảm bảo tăng thu nhập đối với người lao động.

Bên cạnh kết quả đã đạt được, Công ty cũng gặp không ít khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Để hoạt động trong năm 2018 đạt kế hoạch đề ra, Công ty có một số kiến nghị sau:

- Việc triển khai thi công công trình gặp rất nhiều khó khăn do giải phóng mặt bằng chậm ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình, giải ngân vốn. Đề nghị các Sở, ngành và địa phương có giải pháp hỗ trợ việc giải phóng mặt bằng khi công trình triển khai thi công đảm bảo được tiến độ đề ra;

- Công ty đang có các hoạt động mở rộng đầu tư trạm bơm điện với mục đích là áp dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp để giúp nông dân giảm chi phí sản xuất. Đề nghị Sở, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có quy định cụ thể, hướng dẫn giải quyết hỗ trợ đối với các đường nước nhỏ để Công ty có điều kiện mở rộng dịch vụ tưới tiêu, mang lại nhiều lợi ích cho địa phương và người nông dân;

- Việc vi phạm lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình, lấy đất làm lộ, đê trên các tuyến kênh (do tỉnh quản lý) đã và đang xảy ra, chưa có biện pháp khắc phục. Đề nghị cơ quan chức năng tại các huyện, thị, thành có giải pháp khắc phục tình trạng trên;

- Kiến nghị Sở Nông nghiệp & PTNT tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các địa phương tăng cường phổ biến, tuyên truyền pháp luật Nhà nước trong lĩnh vực quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đến quần chúng nhân dân trên địa bàn không vi phạm, xâm hại đối với công trình thủy lợi và xử lý

nghiêm đối với tổ chức, cá nhân cố tình vi phạm, lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi;

- Hiện nay, một số máy bơm của hợp tác xã, tư nhân đặt trong khu vực cống, cũng như các ống bơm gác trên cửa cống đã gây mất ổn định, khó khăn trong quá trình vận hành, bảo dưỡng,... Kiến nghị Sở Nông nghiệp & PTNT tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét có hướng xử lý đối với các trường hợp vi phạm pháp lệnh quản lý công trình thủy lợi như hiện nay;

- Hiện tại 21 cống phân vùng 3 đang vận hành bằng palang. Các cống còn lại vận hành bằng tời nhưng chưa có hệ thống điện vận hành, phải vận hành bằng thủ công nên không đảm bảo cho công tác vận hành tưới, tiêu nước cho khu vực. Đề nghị Chủ đầu tư xem xét có kế hoạch chuyển đổi vận hành từ palang sang vận hành bằng tời, lắp đặt hệ thống điện vận hành đối với tất cả các cống thuộc dự án Nam Vàm Nao.

Trên đây là báo cáo về thực trạng và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác thủy lợi An Giang, trình Sở Tài chính xem xét./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch Công ty;
- Kiểm soát viên;
- BGĐ Công ty;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC THỦY LỢI AN GIANG

Đỗ Vũ Hùng

Biểu số 02.A

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
THỦY LỢI AN GIANG

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐẾ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB
NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 31/12/2017			Giải ngân đến ngày 31/12/2017			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2017	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
C	**CÁC DỰ ÁN KHÁC**		**24.520**	**24.520**	**100**	-			-	-	-	**9.286**	**9.117**	**18.403**	**9.186**	**6.846**	**16.032**	
I	**Công trình nạo vét kênh, mương**		**8.387**	**8.387**	**100**				-	-	-	-	**6.570**	**6.570**	-	**4.199**	**4.199**	
1	Nạo vét kênh 23 (từ kênh Vĩnh Tế đến Chợ Ba Xoài)	QĐ số 2339/QĐ-UBND ngày 02/8/2017	2.084	2.084	100			2017				-	1.482	1.482	-	1.036	1.036	
2	Nạo vét kênh ranh Châu Phú - Tịnh Biên (từ kênh Vịnh Tre đến kênh 10 Châu Phú)	QĐ số 478/QĐ-UBND ngày 11/7/2017	826	826	100			2017				-	746	746	-	619	619	
3	Nạo vét kênh ranh Châu Phú - Châu Thành (từ kênh Núi Chóc năng Gù đến kênh Hào Sương)	QĐ số 502/QĐ-SNN&PTNT ngày 24/7/2017	327	327	100			2017				-	281	281	-	130	130	
4	Nạo vét kênh Mới (từ sông Tiền đến kênh Bà Quang)	QĐ số 2322/QĐ-UBND ngày 02/8/2017	2.318	2.318	100			2017				-	1.723	1.723	-	1.164	1.164	
5	Nạo vét kênh Long Điền AB (từ sông Ông Chưởng đến cống 8 Xã)	QĐ số 2321/QĐ-UBND ngày 02/8/2017	1.879	1.879	100			2017				-	1.436	1.436	-	899	899	

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 31/12/2017			Giải ngân đến ngày 31/12/2017			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2017	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
6	Gia cố sạt lở bờ Tây kênh Núi Chóc Năng Gù (từ kênh Mỹ Phú Đông đến kênh Định Mỹ 2)	QĐ số 504/QĐ-SNN&PTNT ngày 24/7/2017	953	953	100			2017				-	902	902	-	351	351	
II	**Thanh toán chi phí quyết toán, nợ khối lượng**	**QĐ số 1613/QĐ-UBND ngày 26/5/2017**	**1.077**	**1.077**	**100**							**100**	**977**	**1.077**	**-**	**1.077**	**1.077**	
III	**Sửa chữa nhỏ cống, đập năn 2017**	**QĐ số 405/QĐ-SNN&PTNT ngày 02/6/2017**	**599**	**599**	**100**			**2017**				**-**	**537**	**537**	**-**	**537**	**537**	
IV	**Dự án Mở rộng Trạm bơm điện Xà Nu**	**QĐ số 39/QĐ-KTTL ngày 24/3/2015**	**14.457**	**14.457**	**100**			**2015-2017**				**9.186**	**1.033**	**10.219**	**9.186**	**1.033**	**10.219**	

GHI CHÚ: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền.

An Giang, ngày 20 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu
(Ký)

Nguyễn Bình Sơn

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

M.S.D.N: 1601228667 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC THỦY LỢI AN GIANG
T.P LONG XUYÊN - T. AN GIANG

Vương Hữu Kiếng

Biểu số 02.B

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
THỦY LỢI AN GIANG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017				
		Kế hoạch năm 2017	Năm 2016	Tại thời điểm 31/12/2017	Kế hoạch năm 2016	Năm 2015	Tại thời điểm 31/12/2017										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(15)/(5)	(17)	(18)
I	Công ty con																
II	Công ty liên kết	Công ty không đầu tư vốn ra bên ngoài															
III	Đầu tư tài chính																

GHI CHÚ: Cột (15): Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp.

An Giang, ngày 20 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu
(Ký)

Nguyễn Bình Sơn

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

M.S.D.N: 1601228667 - C.T.N.H.H. ★ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC THỦY LỢI AN GIANG ★ T.P LONG XUYÊN - T. AN GIANG

Vương Hữu Tiếng

Biểu số 02.C

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
THỦY LỢI AN GIANG

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2015	Cùng kỳ năm 2016	Thực hiện năm 2017		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện năm	Cùng kỳ năm 2015	Cùng kỳ năm 2016	Kế hoạch năm
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A.Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu (Ha)	**644.042**	**644.042**	**644.042**	**677.151**	**105,14%**	**105,14%**	**105,14%**
- Diện tích tưới, tiêu tự chảy (Ha)	268.171	268.171	268.171	270.874	101,01%	101,01%	101,01%
- Diện tích tưới, tiêu tạo nguồn (Ha)	125.871	125.871	125.871	153.574	122,01%	122,01%	122,01%
- Nhiệm vụ kiểm soát lũ (Ha)	250.000	250.000	250.000	252.703	101,08%	101,08%	101,08%
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu (Ha)	**644.042**	**644.042**	**644.042**	**677.151**	**105,14%**	**105,14%**	**105,14%**
- Diện tích tưới, tiêu tự chảy (Ha)	268.171	268.171	268.171	270.874	101,01%	101,01%	101,01%
- Diện tích tưới, tiêu tạo nguồn (Ha)	125.871	125.871	125.871	153.574	122,01%	122,01%	122,01%
- Nhiệm vụ kiểm soát lũ (Ha)	250.000	250.000	250.000	252.703	100,00%	100,00%	101,08%
3. Tồn kho cuối kỳ							
B.Chỉ tiêu tài chính							
I. Tổng doanh thu	**63.124**	**50.141**	**50.913**	**53.437**	**84,65%**	**106,57%**	**104,96%**
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.254	48.995	50.209	52.521	85,74%	107,20%	104,60%
2. Giá vốn hàng bán	59.818	46.012	48.152	47.685	79,72%	103,64%	99,03%
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.436	2.983	2.057	4.836	336,77%	162,12%	235,10%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	1.648	1.005	704	544	33,01%	54,13%	77,27%
5. Chi phí tài chính	20	-	-	-			
6. Chi phí bán hàng	-	-	-	-			
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	470	339	650	798	169,79%	235,40%	

Nội dung	Cùng kỳ năm 2015	Cùng kỳ năm 2016	Thực hiện năm 2017		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện năm	Cùng kỳ năm 2015	Cùng kỳ năm 2016	Kế hoạch năm
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.594	3.649	2.111	4.582	176,64%	125,57%	217,05%
9. Thu nhập khác	222	141	-	372	167,57%	263,83%	
10. Chi phí khác	283	214	-	393			
11. Lợi nhuận khác	-61	-73	-	-21	34,43%		
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.533	3.576	2.111	4.561	180,06%	127,54%	216,06%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	309	282	220	298	96,44%	105,67%	135,45%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-		
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	2.224	3.294	1.891	4.263	191,68%	129,42%	225,44%
15.1 Lợi nhuận từ hỗ trợ trích lập 2 quỹ khen thưởng, phúc lợi	*0*	*1.401*	*0*	*2.323*			
15.2 Lợi nhuận sau thuế còn lại	*2.224*	*1.893*	*1.891*	*1.940*	*87,23%*	*102,48%*	*102,59%*

GHI CHÚ: Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo. Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính doanh nghiệp nhà nước.

An Giang, ngày 20 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu
(Ký)

Nguyễn Bình Sơn

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Vương Hữu Tiếng

Biểu số 02.D

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
THỦY LỢI AN GIANG

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%) so với Kế hoạch	Tỷ lệ (%) so với cùng kỳ năm trước
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm (Ha)	644.042	677.151	105,14%	105,14%
- Diện tích tưới, tiêu tự chảy (Ha)	268.171	270.874	101,01%	101,01%
- Diện tích tưới, tiêu tạo nguồn (Ha)	125.871	153.574	122,01%	122,01%
- Nhiệm vụ kiểm soát lũ (Ha)	250.000	252.703	101,08%	101,08%
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?				
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?				
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm (Triệu đồng)	38.820	34.852	89,78%	82,76%
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm (Triệu đồng)	38.820	38.189	98,37%	85,94%

An Giang, ngày 20 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu
(Ký)

Nguyễn Bình Sơn

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

M.S.D.N: 1601228667 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC THỦY LỢI AN GIANG T.P LONG XUYÊN - T. AN GIANG

Vương Hữu Tiếng

Biểu số 02.Đ

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
THỦY LỢI AN GIANG

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	240	884	1.049	75
- Thuế GTGT	56	496	455	97
- Thuế TNDN	181	298	504	(25)
- Thuế đất	-	47	47	-
- Các khoản thuế khác	3	43	43	3
2. Các khoản phải nộp khác	-	198	198	-
3. Nộp Ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	-	53	53	-

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	-	582	582	-
2. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	1.121	3.354	2.703	1.772
3. Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp	221	206	189	238

- Quỹ đầu tư phát triển tăng 568 triệu đồng do Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 và đồng thời, Công ty cũng đã sử dụng toàn bộ Quỹ này để bổ sung Vốn điều lệ còn thiếu.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng 3.351 triệu đồng do Công ty tạm trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 bằng 03 tháng lương thực hiện trong năm; tăng 3 triệu đồng từ khen thưởng của cấp trên và giảm 2.703 triệu đồng do Công ty chi hỗ trợ người lao động nhân dịp Tết Nguyên Đán, Lễ 30/4 & 1/5, Lễ 2/9, Tết Trung Thu năm 2017, ốm đau, hiếu hỷ và chi cho phúc lợi xã hội (Hỗ trợ địa phương xây cầu, đóng góp vào Quỹ Người nghèo,...)

- Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp tăng 206 triệu đồng do Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 bằng 1,5 tháng lương thực hiện của Người quản lý doanh nghiệp và đồng thời, trong năm Công ty cũng đã chi 189 triệu đồng (tương đương 90% Quỹ này) cho Người quản lý doanh nghiệp theo quy định.

An Giang, ngày 20 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu
(Ký)

Nguyễn Bình Sơn

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

M.S.D.N: 1601226657 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC THỦY LỢI AN GIANG
T.P LONG XUYÊN - T. AN GIANG

Nương Hữu Tiếng